**TUẦN 30**

**Bài 82: TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ ( 2 TIẾT )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Hiểu được cách tìm phân số của một số.

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Thực hiện được cách tìm phân số của một số.

- *Năng lực mô hình hóa toán học*: Vận dụng giải bài toán tìm phân số của một số vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để thực hành tìm phân số của một số.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách tìm phân số của một số.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách tìm phân số của một số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất.***

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên**: Phiếu học tập, hình vẽ SGK, bảng phụ.

- **Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
|  | **A. Hoạt động khởi động** |
|  | *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học. - Khởi động: Tạo ra tình huống và phát triển được các NL: Đặt vấn đề tìm phân số của một số.; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học. - Kết nối: Giới thiệu bài mới **Tìm phân số của một số.***\* Cách thực hiện: Quan sát tranh SGK* |
|  | - Cho HS xem tranh khởi động. Hoạt động nhóm bàn và nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.+ Hãy lấy ra $\frac{1}{3}$ số chấm tròn đó?- Vậy để biết $\frac{1}{3}$ số chấm tròn của 12 chấm tròn ta thực hiện phép tính: 12 x $\frac{1}{3}$ | - HS làm nhóm đôi - chia sẻ lớp+ Có 12 chấm tròn.- HS thực hành trên đồ dùng học tập cá nhân và trả lời: $\frac{1}{3}$ số chấm tròn là 4 hình tròn.- HS trả lời: 12 x $\frac{1}{3}$ = 4 |
|  | 1. **Tìm phân số của một số**
 |
|  | **B. Hoạt động hình thành kiến thức***\* Mục tiêu*:- Hiểu được cách tìm phân số của một số.- Các NL được phát triển qua hoạt động này gồm: NL giao tiếp toán học; NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.*\* Cách thực hiện*: Quan sát tranh SGK |
|  | **-** Đặt vấn đề: Có 12 hình tròn. Tìm$\frac{2}{3}$ của 12 hình tròn đó.**a) Hoạt động 1:****-** Phân số $\frac{2}{3}$ cho biết điều gì?- Đã tìm được$\frac{1}{3}$ số hình tròn thì ta có tìm được $\frac{2}{3}$ số hình tròn không?**-** Lấy 12 : 3 = 4, rồi lấy 4 x 2 = 8. Vậy$ \frac{2}{3}$ của 12 là 8.**b) Hoạt động 2: Tìm cách giải khác**- Biểu thức (12 : 3) x 2 gợi ý cho ta đã lấy 12 nhân với phân số nào?- Đây là cách tìm phân số của một số.- Vây muốn tìm $\frac{2}{3}$ của 12 ta làm thế nào?- GV chốt: Muốn tìm phân số của một số ta làm thế nào?- Lưu ý: Khi làm bài và trình bày bài ta làm theo cách thứ hai. | - HS quan sát và trả lời:+ Nếu hình tròn được chia thành 3 phần thì $\frac{2}{3}$ là 2 phần số hình tròn ấy.- Có, ta nhân lên gấp đôi.- 12 x $\frac{2}{3}$ - Muốn tìm $\frac{2}{3}$ của 12 ta lấy 12 nhân với $\frac{2}{3}$ - Lấy số đó nhân với phân số đã cho. |
|  | **C. Hoạt động thực hành, luyện tập.** |
|  | *\* Mục tiêu*: - Thực hiện được cách tìm phân số của một số.- Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.*\* Cách thực hiện*: Cá nhân, trao đổi nhóm đôi, chia sẻ trước lớp. |
|  | **Bài 1: Số? (Cá nhân)**- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.- GV gợi ý có thể thực hiện theo 2 cách;+ Cách trực quan: Tìm 1 phần rồi nhân lên.+ Cách sử dụng phép tính nhân phân số với một số.- GV Gợi ý các câu hỏi và gọi HS nêu cách làm của mình.**Bài 2: Tìm phân số của một số trong mỗi trường hợp sau:**- GV hướng dẫn làm mẫu câu a.- Yêu cầu HS dựa vào câu hỏi gợi ý và hoàn thành nốt bài tập.- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình.- GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.- GV nhận xét các nhóm. Tuyên dương. | **Bài 1: Cá nhân**- 1 HS nêu yêu cầu.- HS thực hiện vào vở bài tập.$\frac{2}{5}$ của 10 ngôi sao là 4 ngôi sao.$\frac{5}{6}$ của 12 hình vuông là 10 hình vuông.- Đổi vở chữa bài nói cho bạn nghe cách làm.- HS làm bài nhóm đôi.a) $\frac{1}{2} x 18= \frac{1 x 18}{2}=9$$$\frac{1}{7} x 42= \frac{1 x 42}{7}=6$$b) $ \frac{3}{4} x 20= \frac{3 x 20}{4}=15$$$\frac{3}{7} x 21= \frac{3 x 21}{7}=9$$c) $ \frac{2}{5} x 25= \frac{2 x 25}{5}=10$$$\frac{2}{9} x 36= \frac{2 x 36}{9}=8$$- Đại diện nhóm chia sẻ cách làm và kết quả bài làm của nhóm.- Nhận xét bài |
|  | 1. **Giải bài toán về tìm phân số của một số**
 |
|  | **B. Hoạt động hình thành kiến thức***\* Mục tiêu*:- Hiểu được cách giải bài toán sử dụng phép tính nhân phân số với một số.- Các NL được phát triển qua hoạt động này gồm: NL giao tiếp toán học; NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.*\* Cách thực hiện*: Quan sát tranh SGK |
|  | **-** Đặt vấn đề: Có 12 quả bóng bàn. Hỏi$\frac{3}{4}$ số bóng trong hộp là bao nhiêu quả bóng?**-** Em hiểu bài toáncho biết điều gì? - Bài toán hỏi gì?- Em nghĩ nên làm như thế nào?- Hãy trình bày bài giải. | - HS quan sát và trả lời:- Hộp bóng có 12 quả.- Tìm $\frac{3}{4}$ số bóng trong hộp - 12 x $\frac{3}{4}$ = 9***Bài giải*** $\frac{3}{4}$ số quả bóng bàn trong hộp là: 12 🞨 $\frac{3}{4}$ = 9 (quả) Đáp số: 9 quả bóng bàn.  |
|  | **C. Hoạt động thực hành, luyện tập.** |
|  | *\* Mục tiêu*:- Thực hiện được cách giải bài toán sử dụng phép tính nhân phân số với một số.- Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.*\* Cách thực hiện*: Cá nhân, trao đổi nhóm đôi, chia sẻ trước lớp. |
|  | **Bài 3: (Cá nhân)****-** GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.**-** Em hiểu bài toáncho biết điều gì? - Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS trình bày vào vở bài tập- GV gọi HS nhận xét và chữa bài.**Bài 4: (Cá nhân)****-** GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.- Yêu cầu HS trình bày vào vở bài tập GV gọi HS nhận xét và chữa bài.**Bài 5:** - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.- GV nhận xét các nhóm | - Hs đọc yêu cầu.- Khôi hái được 48 quả dâu tây- Khôi đã ăn hết bao nhiêu quả dâu tây?***Bài giải*** Số quả dâu tây mà Khôi đã ăn là: 48 🞨 $\frac{3}{8}$ = 18 (quả) Đáp số: 18 quả dâu tây.- HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.***Bài giải*** Số tờ giấy có màu vàng là: 16 🞨 $\frac{1}{8}$ = 2 (tờ) Đáp số: 2 tờ.- HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.***Bài giải*** Số trang sách chị Huyền đã đọc là: 328 🞨 $\frac{3}{4}$ = 246 (trang)Số trang sách chị Huyền chưa đọc là: 328 – 246 = 82 (trang) Đáp số: 82 trang.- HS chú ý nghe, chữa bài vào vở. |
|  | **D. Hoạt động vận dụng**  |
|  | \* *Mục tiêu*:  - Thực hiện được cách giải bài toán sử dụng phép tính nhân phân số với một số.- Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.*\* Cách thực hiện*: Cá nhân, chia sẻ trước lớp. |
|  | **Bài 6:** - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập vào vở, 1 HS làm bảng phụ.- GV gọi HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi HS nhận xét và chữa bài.***\* Củng cố, dặn dò***.- Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Muốn tìm phân số của một số ta làm thế nào?- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau: *Luyện tập.*  | - HS quan sát và trả lời:- Xe thứ nhất chở được 18 thùng hàng, xe hai chở bằng $\frac{2}{3}$ xe thứ nhất.- Cả hai xe chở được bao nhiêu thùng hàng? ***Bài giải*** Số thùng hàng xe thứ hai chở được là: 18 🞨 $\frac{2}{3}$ = 12 (thùng)Cả hai xe chở được số thùng hàng là: 18 + 12 = 30 (thùng) Đáp số: 30 thùng.- HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*:

.........................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 83: LUYỆN TẬP (trang 68-69) ( 2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Luyện tập, củng cố kĩ năng tìm phân số của một số.

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Vận dụng được cách tìm phân số của một số để giải các bài toán về tìm phân số của một số vào thực tế cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về tìm phân số của một số qua các bài tập và tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán về tìm phân số của một số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất.***

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên**: Phiếu học tập, hình vẽ SGK.

- **Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
|  | **A. Hoạt động mở đầu** |
|  | *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học. - Khởi động: Ôn lại các kiến thức đã học và phát triển được các NL: Cách Tìm phân số của một số; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học. - Kết nối: Giới thiệu bài mới **Luyện tập**.*\* Cách thực hiện:* Cá nhân |
|  | - ***Ổn định tổ chức***: Cho HS hát “ Em học toán”. - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.+ Nêu cách tìm phân số của một số? + Hãy nêu ví dụ tìm phân số của một số?- GV và HS nhận xét, khen những HS có câu trả lời tốt, động viên những bạn chưa đưa ra câu trả lời chưa chính xác.- ***Kết nối***: Bài học hôm nay các em sẽ được luyện tập, củng cố kĩ năng tìm phân số của một số.- **GV ghi bảng**: *Luyện tập* | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ- HS lắng nghe+ Lấy số đó nhân với số đã cho.+ HS trả lời theo ý hiểu.- HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vào vở. |
|  | **B. Hoạt động luyện tập, thực hành****\* Mục tiêu:** - Luyện tập, củng cố kĩ năng tìm phân số của một số.- Vận dụng được cách tìm phân số của một số để giải các bài toán về tìm phân số của một số vào thực tế cuộc sống.- Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL giải quyết các vấn đề. *\* Cách thực hiện:* cá nhân, nhóm 2, chia sẻ. |
|  | **Bài 1: Số? (Cá nhân)**- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.- Bài tập 1 thực hiên theo gì?a) GV gợi ý: Quan sát hình vẽ thứ nhất và sử dụng cách trực quan (Tìm 1 phần rồi nhân lên) hoặc sử dụng phép tính nhân phân số với một số để giải bài toán.b) Gọi HS nhắc lại cách tính nhân phân số với một số để giải bài toán.- GV chốt đáp án và nhận xét.- GV tổng kết: Qua bài này chúng ta đã ôn tập, củng cố các kĩ năng về tìm phân số của một số.**Bài 2: Tính (theo mẫu):****-**  Gọi HS nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS quan sát mẫu: Đây là dạng toán tìm phân số của một số đo đại lượng. Để tìm $\frac{1}{4}$ của 20 km, ta làm như sau:Ta có : $\frac{1}{4}$ của 20 là: 20 x $\frac{1}{4}$ = 5. Vậy $\frac{1}{4}$ của 20 km là 5 km.- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.- GV nhận xét các nhóm**Bài 3:** - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.- GV nhận xét các nhóm**Bài 4:** - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi HS nhận xét và chữa bài.**Bài 5:** - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi HS nhận xét và chữa bài. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.- Thực hiện:+ $\frac{3}{7}$ của 14 hình thoi là 6 hình thoi.+ $\frac{5}{6}$ của 18 bông hoa là 15 bông hoa.- HS làm vào vở bài tập, từng HS nêu miệng kết quả từng phép tính.+ $\frac{1}{3}$ của 18 là 6 $\frac{1}{8}$ của 64 là 8$\frac{2}{7}$ của 42 là 12 $\frac{4}{9}$ của 27 là 12 $\frac{3}{5}$ của 80 là 48 $\frac{5}{8}$ của 96 là 60 - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.- HS nêu yêu cầu bài.- HS làm bài nhóm đôi.$\frac{1}{4}$ của 20 km là 5 km $\frac{1}{7}$ của 28 g là 4 g $\frac{3}{10}$ của 100 ml là 30 ml $\frac{3}{4}$ của 640 tấn là 480 tấn  $\frac{5}{8}$ của 40 m2 là 25 m2 $\frac{2}{3}$ của 1 giờ là 40 phút - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.- HS nêu ý kiến cá nhân- HS làm nhóm đôi - chia sẻ lớp ***Bài giải*** Mai mua sách vở và đồ dùng hết số tiền là: 980 000 🞨 $\frac{2}{5}$ = 392 000 (đồng) Mai còn lại số tiền là: 980 000 – 392 000 = 588 000 (đồng) Đáp số: 588 000 đồng.  - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở. ***Bài giải*** Số ki-lô-gam cà phê chú Toàn đã bán được là: 660 🞨 $\frac{2}{3}$ = 440 (kg)Chú Toàn còn lại số ki-lô-gam cà phê là: 660 – 440 = 220 (kg) Đáp số: 220 kg.  - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở. ***Bài giải***1. Diện tích trồng cà rốt là:

 360 🞨 $\frac{1}{4}$ = 90 (m2)1. Diện tích trồng dưa chuột là:

 360 🞨 $\frac{1}{2}$ = 180 (m2) Hoặc 90 x 2 = 180 (m2) Đáp số: a) 90 m2 và b) 180 m2 - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở. |
|  | **D. Hoạt động vận dụng**  |
|  | \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*” vận dụng các kiến thức đã học về tìm phân số của một số để giải các bài toán liên quan trong thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS có thể phát triển được các NL: NL tư duy toán học, NL mô hình hóa toán học và giao tiếp toán học.*\* Cách thực hiện:* Nhóm |
|  | **Bài 4: Trò chơi**- HS đọc yêu cầu của bài tập.+ Bài yêu cầu làm gì? - GV Hướng dẫn gợi ý và chia lớp thành 2 đội trình bày bài giải vào bảng nhóm, đội nào hoàn thành trước chính xác sẽ thắng.- GV nhận xét.***\* Củng cố, dặn dò***.- Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Tìm phân số của một số giúp ích gì cho con người trong cuộc sống?- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau: *Phép chia phân số*  | - HS đọc yêu cầu của bài tập.- HS chơi trò chơi. ***Bài giải***Quãng đường ô tô đã đi được là: 84 🞨 $\frac{3}{4}$ =63 (km)Quãng đường ô tô còn phải đi hết quãng đường là: 84 – 63 = 21 (km) Đáp số: 21 km. - HS trả lời- HS chú ý nghe, nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*:

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 84: PHÉP CHIA PHÂN SỐ (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Biết cách chia hai phân số (lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai).

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Vận dụng được cách chia hai phân số để giải các bài toán về phép chia phân số vào thực tế cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về phép chia phân số qua các bài tập và tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán về phép chia phân số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất.***

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên**: Phiếu học tập, hình vẽ SGK, bảng phụ.

+ Hai tấm bìa ghi sẵn quy tắc chia hai phân số.

 + Hai băng giấy hình chữ nhật dài bằng nhau trong đó 1 băng giấy chia sẵn thành 4 phần bằng nhau, còn 1 băng giấy chia thành 8 phần bằng nhau để có thể trình diễn cho cả lớp.

- **Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

 + Chuẩn bị 2 băng giấy giống nhau như nêu trên và 2 bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
|  | **A. Hoạt động mở đầu** |
|  | *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học. - Khởi động: Ôn lại các kiến thức đã học và phát triển được các NL: Cách Tính phép chia phân số; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học. - Kết nối: Giới thiệu bài mới **Phép chia phân số**.*\* Cách thực hiện:* Cá nhân |
|  | - ***Ổn định tổ chức***: Cho HS hát “ Em học toán”. - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát tranh SGK và trả lời: Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.+ Hỏi được chia thành mấy phần như thế?- GV gợi ý: + Tình huống trên có thể diễn tả bằng phép chia phân số $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ + $\frac{3}{4}$ gấp $\frac{1}{8}$ là mấy lần?- ***Kết nối***: Muốn chia hai phân số ta làm như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài: Phép chia phân số.- **GV ghi bảng**: *Phép chia phân số.* | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ- HS lắng nghe.+ Có $\frac{3}{4}$ chiếc bánh. Chia ra thành các phần bằng nhau, sao cho mỗi phần là $\frac{1}{8}$ chiếc bánh.- Được chia thành 6 phần.- HS thảo luận tìm phương án trả lời.- HS nhắc tựa bài. |
|  | **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\* Mục tiêu:- Hiểu được cách tính chia hai phân số- Các NL được phát triển qua hoạt động này gồm: NL giao tiếp toán học; NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.\* Cách thực hiện: Quan sát thực hành trên băng giấy |
|  | 1. *Thực hành trên băng giấy.*

- GV hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm đôi: một bạn tô màu vào $\frac{3}{4}$ băng giấy thứ nhất mà nhóm đã chuẩn bị, bạn kia tô $\frac{6}{8}$ băng giấy thứ hai.- So sánh độ dài của $\frac{3}{4}$ băng giấy và $\frac{6}{8}$ băng giấy?- Hãy cho biết độ dài của độ dài của $\frac{3}{4}$ băng giấy gấp mấy lần độ dài của $\frac{1}{8}$ băng giấy?- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình- GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.- GV nhận xét các nhóm*2. Quy tắc chia phân số*- Làm cách nào để thực hiện phép chia hai phân số $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ ?- Hãy nhận xét về phép nhân hai phân số $\frac{3}{4}$ x $\frac{8}{1}$ . Ta có: $\frac{3}{4}$ x $\frac{8}{1}$ = 6- GV giới thiệu: Phân số $\frac{8}{1}$ gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{1}{8}$.- Vậy muốn chia hai phân số ta làm như thế nào?- GV đính tấm bìa ghi sẵn quy tắc lên bảng: *Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.* 3. Ví dụ củng cố: Tính $\frac{7}{12}$ : $\frac{3}{5}$ | - HS làm việc nhóm đôi.- Độ dài của $\frac{3}{4}$ băng giấy bẳng độ dài $\frac{6}{8}$ băng giấy.- Gấp 6 lần.- HS kết luận: $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ = $\frac{3}{4}$ x $\frac{8}{1}$ = 6- HS trình bày.- HS nhắc lại quy tắc.- $\frac{7}{12}$ : $\frac{3}{5}= \frac{7}{12}$ x $\frac{5}{3}$ = $\frac{35}{36}$ |
|  | **B. Hoạt động luyện tập, thực hành****\* Mục tiêu:** - Biết cách chia hai phân số.- Vận dụng được cách chia hai phân số để giải các bài toán về phép chia phân số vào thực tế cuộc sống.- Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL giải quyết các vấn đề. *\* Cách thực hiện:* cá nhân, nhóm 2, chia sẻ. |
|  | **Bài 1: (Cá nhân)**1. GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.

- GV gọi HS nêu miệng từng phân số đảo ngược của mỗi phân số.b) Tính:- GV cho HS thực hiện vào bảng con.- GV chốt đáp án và nhận xét.- Gọi HS phát biểu lại quy tắc chia hai phân số.**Bài 2: Rút gọn rồi tính** - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.- Gọi HS nêu cách thực hiện phép tính.- HS làm việc nhóm đôi vào phiếu thảo luận. | - Nêu phân số đảo ngược của mỗi phân số sau: $\frac{3}{4}$; $\frac{10}{3}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{1}{4}$.- HS có thể viết gọn kết quả$\frac{7}{4}$ : $\frac{3}{4}= \frac{7}{4}$ x $\frac{4}{3}$ = $\frac{7 x 4 }{4 x 3}$ = $\frac{7}{3}$ $\frac{10}{9}$ : $\frac{10}{3}= \frac{10}{9}$ x $\frac{3}{10}$ = $\frac{10 x 3}{9 x 10}$ = $\frac{3}{9}$ = $\frac{1}{3}$$\frac{6}{35}$ : $\frac{2}{5}= \frac{6}{35}$ x $\frac{5}{2}$ = $\frac{30}{70}$ = $\frac{3}{7}$$\frac{1}{20}$ : $\frac{1}{4}= \frac{1}{20}$ x $\frac{4}{1}$ = $\frac{1 x 4}{20 x 1}$ = $\frac{4}{20}$= $\frac{1}{5}$- Cả lớp thống nhất kết quả.- HS làm nhóm đôi - chia sẻ lớp- $\frac{14}{18}$ : $\frac{8}{9}$ = $\frac{7}{9}$ : $\frac{8}{9}$ = $\frac{7}{9}$ x $\frac{9}{8}$ = $\frac{7}{8}$$\frac{ 9}{6}$ : $\frac{3}{10}$ = $\frac{ 3}{2}$ : $\frac{3}{10}$ = $\frac{3}{2}$ x $\frac{10}{3}$ = 5$\frac{4}{5}$ : $\frac{10}{15}$ = $\frac{4}{5}$ x $\frac{15}{10}$ = $\frac{60}{50}$ = $\frac{6}{5}$$\frac{1}{6}$ : $\frac{21}{9}$ = $\frac{1}{6}$ : $\frac{7}{3}$ = $\frac{1}{6}$ x $\frac{3}{7}$ = $\frac{2}{14}$- HS chú ý nghe, nhận xét. |
|  | **D. Hoạt động vận dụng**  |
|  | \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*” vận dụng các kiến thức đã học về tính phép chia phân số để giải các bài toán liên quan.  - Qua hoạt động này HS có thể phát triển được các NL: NL tư duy toán học, NL mô hình hóa toán học và giao tiếp toán học.*\* Cách thực hiện:* Nhóm |
|  |  **Trò chơi: Ai nhanh hơn**- GV chia lớp thành 2 đội, đại diện mỗi đội bốc thăm phép tính và trình bày bài giải vào bảng nhóm, đội nào hoàn thành trước chính xác sẽ thắng.- GV nhận xét.***\* Củng cố, dặn dò***.- Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau: *Phép chia phân số* (tiết 2) | - HS chơi trò chơi.- HS trả lời$\frac{1}{2}$ : $\frac{2}{3}$ = $\frac{1}{2}$ x $\frac{3}{2}$ = $\frac{3}{4}$$\frac{1}{3}$ : $\frac{5}{6}$ = $\frac{1}{3}$ x $\frac{6}{5}$ = $\frac{6}{15}$- HS chú ý nghe, nhận xét. |